

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu:

1.1. Tên gói thầu: Gói thầu thi công xây dựng số 01

1.2. Tên dự án: Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 14 (đoạn từ Quốc lộ 14 thuộc phường Đạt Hiếu đến suối A Jun, phường Thống Nhất), thị xã Buôn Hồ - giai đoạn 1

1.3. Tên công trình: Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 14 (đoạn từ Quốc lộ 14 thuộc phường Đạt Hiếu đến suối A Jun, phường Thống Nhất), thị xã Buôn Hồ - giai đoạn 1

1.4. Người quyết định đầu tư: UBND tỉnh Đắk Lắk.

1.5. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đắk Lắk.

1.6. Loại công trình: Công trình giao thông trong đô thị, cấp III

1.7. Địa điểm XD: Phường Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk

1.8. Quy mô đầu tư xây dựng công trình của gói thầu:

- Cấp kỹ thuật đường đô thị: Cấp 40 ($V_{tk}=40\text{km/h}$).

- Hình thức đầu tư: Xây dựng mới.

- Tổng chiều dài 3.873,49m, trong đó chỉ giới trực đường được tổng hợp theo

bảng sau:

STT	Tên đường	Chiều dài đầu tư (m)	Mặt cắt theo quy hoạch xây dựng (m)		Mặt cắt ngang đầu tư giai đoạn 1 (m) (Mặt + lề đường)
			Chỉ giới đường đỏ	Mặt + vỉa hè x2bên	
1	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 14 (đoạn phường Đạt Hiếu đến suối A Jun, phường Thống Nhất)	3.873,49	27,0	15,0+6,0x2	7,5 (5,5+1,0x2)
TỔNG		3.873,49			

- Kết cấu mặt đường cấp cao A1 bằng bê tông nhựa; chiều dày lớp kết cấu áo đường là 46cm, thứ tự các lớp như sau: Bê tông nhựa chặt (BTNC12,5) dày 5cm; tưới nhựa pha dầu thấm bám, tiêu chuẩn nhựa 0,5 kg/m²; bê tông nhựa chặt (BTNC19) dày 7cm; tưới nhựa pha dầu thấm bám, tiêu chuẩn nhựa 1,0 kg/m²; cấp phối đá dăm loại I ($D_{max}=25$) dày 16cm; cấp phối đá dăm loại II ($D_{max}=37,5$) dày 18cm; đất nền, lu đạt độ chặt $K_{yc} \geq 0,98$.

b) Lề đường:

- Lề đường gia cố: Bề rộng lề (0,5m x 2bên); kết cấu cùng kết cấu mặt đường. Riêng các đoạn có rãnh dọc gia cố, phủ lề bằng bê tông xi măng đá 1x2 M250, dày 10cm.

- Lề không gia cố: Bề rộng lề (0,5m x 2bên); đắp lề đường bằng đất cấp 3, $K_{yc} > 0,95$.

c) Hệ thống thoát nước mưa:

- Công dọc, công ngang: Bố trí bằng một loại công bản $L_0 = 80-100\text{cm}$; tại vị trí nền đường đắp cao, dùng loại công tròn $D = 100\text{cm}$; kết cấu: Tấm bản bằng bê tông cốt thép đá 1x2 mác 250 đúc sẵn. Thân, tường cánh, móng công bằng bê tông xi măng đá 2x4 mác 150.

d) Hệ thống cầu: Quy mô, đặc điểm thiết kế, dự toán hạng mục công trình đã được Sở Giao thông vận tải thẩm định tại Công văn số 465/KQTD-SGTVT ngày 22/11/2021, cụ thể:

- Cầu dầm tại Km0+737,26:

+ Cấu tạo: Cầu 1 nhịp 33m, khổ cầu 7,5m, bề rộng cầu $B = 8,5\text{m}$ (không lề bộ hành); tải trọng thiết kế HL93; tầng suất thiết kế $P = 1\%$.

+ Kết cấu phần trên: Sử dụng dầm I bê tông cốt thép dự ứng lực 40Mpa, $L = 33\text{m}$, mỗi nhịp gồm 4 dầm; dầm ngang, bản mặt cầu, gờ lan can bê tông cốt thép 30Mpa; lớp phủ mặt cầu bằng bê tông nhựa; lan can tay vịn bằng thép; khe co giãn thép dạng răng lược; gối cầu cao su bản thép.

+ Kết cấu phần dưới và sau móng: Mố cầu bằng bê tông cốt thép 30Mpa; móng mố là móng cọc khoan nhồi bằng bê tông cốt thép 30Mpa, đường kính cọc $D = 1,2\text{m}$, chiều dài cọc dự kiến 36,0m; tứ nón mố và mái ta luy nền đường đắp phạm vi hai đầu cầu gia cố bằng tấm ốp bê tông xi măng.

+ Đường hai đầu cầu dự kiến từ Km0+660,85 (cọc 28) - Km0+809,98 (cọc 34) dài 149,13m (kể cả phạm vi cầu). Quy mô và giải pháp kết cấu theo tuyến chính.

+ Bố trí hộ lan tôn sóng, biển báo đảm bảo an toàn giao thông hai bên đầu cầu theo QCVN 41:2019/BGTVT.

- Cầu bản Km3+467,22:

+ Cấu tạo: Cầu 1 nhịp 6m, khổ cầu 7,5m, bề rộng cầu $B = 8,5\text{m}$ (không lề bộ hành); tải trọng thiết kế HL93; tầng suất thiết kế $P = 4\%$.

+ Kết cấu phần trên: Sử dụng dầm bản bê tông cốt thép 25Mpa, $L = 6\text{m}$, mỗi nhịp gồm 6 dầm rộng $B = 1,0\text{m}$ và 2 dầm biên rộng $B = 1,25\text{m}$; gờ lan can bằng bê tông cốt thép 22,5Mpa; lớp phủ mặt cầu bằng bê tông nhựa; lan can tay vịn bằng thép mạ kẽm.

+ Kết cấu phần dưới và sau móng: Mố cầu bằng bê tông cốt thép 22,5Mpa; móng mố là móng cọc bê tông cốt thép 22,5Mpa, tiết diện (35x35)cm, chiều dài cọc dự kiến 9,0m; tường cánh mố 2 bên bằng bê tông xi măng 20Mpa; gia cố mái ta luy nền đường đắp phạm vi hai đầu cầu bằng tấm ốp bê tông xi măng.

+ Bố trí hộ lan tôn sóng, biển báo đảm bảo an toàn giao thông hai bên đầu cầu theo QCVN 41:2019/BGTVT.

(Nội dung chi tiết theo hồ sơ thiết kế đính kèm)

2. Thời hạn hoàn thành:

- Thời gian thi công hoàn thành công trình yêu cầu tối đa không quá 540 ngày, kể từ ngày khởi công đến khi nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng theo quy định (thời gian thi công đã bao gồm các ngày lễ, mưa lũ...).

- Nhà thầu phải thường xuyên đối chiếu tiến độ thực hiện so với kế hoạch tiến độ thi công, kịp thời có biện pháp xử lý trong từng khâu công tác, từng giai đoạn thi công.

- Nếu chủ đầu tư, đơn vị giám sát thấy tiến độ thi công nhà thầu chậm, trễ có khả năng làm chậm thời gian hoàn thành công trình thì nhà thầu phải có biện pháp cần thiết với chủ đầu tư, đơn vị tư vấn giám sát để đẩy nhanh tiến độ theo yêu cầu.

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Ngoài việc đáp ứng thời hạn hoàn thành chung của toàn bộ công trình (thể hiện trong biểu đồ tổng tiến độ), Nhà thầu phải lập tiến độ thi công chi tiết cho từng hạng mục công trình, phù hợp với nội dung mô tả công việc mời thầu nêu tại Chương IV – E-HSMT. Tiến độ chi tiết này phải thể hiện rõ thời gian thực hiện của từng công việc, hạng mục, bao gồm các hạng mục như sau:

STT	Hạng mục công trình	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành
1	Hạng mục: Giao Thông	Từ ngày bàn giao mặt bằng thi công đủ điều kiện khởi công theo quy định	Hoàn thành trong vòng 540 ngày, kể từ ngày bàn giao mặt bằng thi công đến ngày bàn giao công trình đưa vào sử dụng theo quy định của cấp có thẩm quyền.
1.1	Nền đường		
1.2	Gia cố mái ta luy		
1.3	Mặt đường BTN		
1.4	Cống bản $L_0=80cm$		
1.5	Cống tròn $D=100cm$		
2	Hạng mục: Cầu BTCT $L=6m$		
2.1	Phần kết cấu nhịp cầu		
2.2	Phần móng cầu & sau móng		
2.3	Đường hai đầu cầu		
2.4	Công tác thi công		
2.5	Đường tránh, cống tạm		
3	Hạng mục: Cầu dầm BTCT DƯL $L_d=33m$		
3.1	Kết cấu nhịp		

3.2	<i>Phần móng cầu & sau móng</i>		
3.3	<i>Cọc khoan nhồi</i>		
3.4	<i>Đường hai đầu cầu</i>		
3.5	<i>Hệ thống ATGT</i>		
3.6	<i>Công tác thi công</i>		
3.7	<i>Công trình phụ trợ</i>		
3.8	<i>Phá dỡ đường tạm</i>		

Ghi chú: Trường hợp Nhà thầu thiếu hoặc không có biểu tiến độ thi công chi tiết cho từng hạng mục, công việc nêu trên, hoặc biểu tiến độ thi công không phù hợp với khối lượng công việc mời thầu tại Mẫu số 01B (Webform trên Hệ thống), thì biểu tiến độ thi công của Nhà thầu được xác định là không đáp ứng quy định tại Mục 3 – Chương III, E-HSMT.

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

Yêu cầu về mặt kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình:

- Tất cả vật liệu sử dụng phải có chất lượng tốt, đáp ứng yêu cầu của thiết kế. Những quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng phải tuân thủ theo quy định hiện hành.
- Công tác nghiệm thu phải tuân thủ theo hướng dẫn tại Luật xây dựng, Nghị định 06/2021/NĐ-CP, Nghị định 35/2023/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.

2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát:

Căn cứ vào tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, Nhà thầu phải trình bày, phân tích đáp ứng các nội dung công việc theo quy định tại Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật và đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng, Luật, Nghị định, Thông tư hiện hành và đảm bảo các hạng mục công trình.

2.1. Các thoả thuận chung:

- **Bố trí mặt bằng:** Nhà thầu bố trí một khu vực đất thích hợp cho việc xây dựng văn phòng làm việc, nhà kho, lán trại, khu WC và các phương tiện bảo quản tạm thời. Căn cứ vào bản vẽ mặt bằng công trình đã được Chủ đầu tư phê duyệt; toàn bộ chi phí xây dựng, dọn dẹp do Nhà thầu chịu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm giải quyết các tuyến thoát nước mưa, nước thải liên quan đến khu vực thi công và sinh hoạt của mình.
- **Điện nước:** Nhà thầu phải tự làm việc với các đơn vị cung cấp điện, cấp nước thi công. Nhà thầu phải tự xây dựng bể chứa nước và lắp đặt tủ điện cần thiết cho thi công và sinh hoạt. Chi phí tiêu hao điện, nước trong suốt quá trình xây dựng đều do Nhà thầu chi trả bằng kinh phí của mình.

- Hàng rào và công việc bảo vệ, an ninh công trường: Nhà thầu phải trang bị bằng chi phí của mình hàng rào công trường ở những khu vực cần thiết để bảo vệ công trường, kho tàng, lán trại. Nhà thầu phải tự tổ chức việc bảo vệ và giám sát, tự chịu phí tổn cũng như rủi ro. Tường rào và bao bọc xung quanh công trường tránh bụi bẩn và vật liệu bắn ra ngoài ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Bảo vệ tài sản và đảm bảo an toàn trong khu vực: Nhà thầu tự chịu trách nhiệm về tài sản trên công trình (kể cả khối lượng công việc đã được nghiệm thu trong các giai đoạn thanh toán) và phải có biện pháp đảm bảo an toàn trong khu vực Khu vực xây dựng. Tuyệt đối giữ an ninh trong phạm vi công trình.

- Dọn dẹp và vệ sinh công trường:

+ Công tác dọn dẹp, bố trí công trường do Nhà thầu chịu phí tổn. Nhà thầu có trách nhiệm giữ gìn công trường xây dựng sạch sẽ, gọn gàng. Nhà thầu phải có trách nhiệm thu gom, vận chuyển và tiêu hủy gạch, vữa, rác dưới dạng phát sinh do các công việc tiến hành theo hợp đồng của Nhà thầu.

+ Nhà thầu phải trình bày phương án đảm bảo vệ sinh cho các phương tiện vận tải ra vào công trường và có trách nhiệm phải thực hiện bất kỳ lúc nào việc dọn dẹp của bất kể loại công việc gì khi cần thiết mà không gây phát sinh thêm việc thanh toán cho các công việc bổ sung.

+ An toàn lao động: Nhà thầu chịu trách nhiệm về điều kiện lao động và an toàn cho nhân viên của mình. Nhà thầu phải có trách nhiệm đối với an toàn về vận chuyển tại công trường và có nghĩa vụ bố trí các bảng hiệu khuyến cáo, khu vực cấm và các định hướng cần thiết cho việc giao thông được thuận tiện, an toàn nhất có thể tại công trường.

+ Nhà thầu phải đảm bảo vệ sinh môi trường, không phát tán khói bụi, rơi vãi vật liệu ra ngoài phạm vi công trình, tuyệt đối không ảnh hưởng đến hoạt động của khu vực xây dựng.

+ Nhà thầu phải có kế hoạch gửi trước cho chính quyền địa phương nơi triển khai thi công xây dựng.

2.2. Yêu cầu về phương pháp thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị vào công trình, vận hành chạy thử, đào tạo chuyển giao: Nhà thầu dựa vào bản vẽ thiết kế thi công đã được duyệt để lập biện pháp kỹ thuật thi công, lắp đặt thiết bị, cho phù hợp cho từng hạng mục công trình theo quy định của E-HSMT, chỉ dẫn kỹ thuật, thuyết minh thiết kế, thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt.

3. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị:

3.1. Yêu cầu chung:

- Các vật liệu sử dụng phải phù hợp về quy cách và chủng loại với hợp đồng xây lắp, thiết kế và các tiêu chuẩn hiện hành.

- Nhà thầu phải trình nguồn gốc và biện pháp tổ chức vận chuyển đến công trường của từng loại vật liệu cho Bên A xem xét và quyết định trước khi thực hiện. Trong quá trình lập E-HSMT nếu nhà thầu phát hiện thấy có sự sai lệch về chất

lượng vật liệu, vật tư, thiết bị giữa hồ sơ thiết kế với E-HSMT theo hướng làm giảm chất lượng công trình thì nhà thầu cần báo ngay cho Chủ đầu tư biết để hiệu chỉnh hoặc lập thành bảng riêng làm cơ sở cho bước thương thảo hợp đồng (nếu có).

- Trong quá trình thi công nếu phát hiện có sự thay đổi về chủng loại, nguồn gốc vật liệu, ... Bên A có quyền ngưng thi công để kiểm tra, nếu không đạt yêu cầu. Nhà thầu có trách nhiệm chuyển toàn bộ số vật liệu sai khác đó ra khỏi công trình và chịu mọi phí tổn có liên quan.

3.2. Yêu cầu vật tư, vật liệu, hàng hóa đề xuất trong quá trình tham dự thầu và thi công:

- Tổ chức thực hiện thí nghiệm kiểm tra chất lượng và cung cấp cho Bên A các chứng chỉ, chứng nhận, các thông tin, tài liệu có liên quan tới sản phẩm xây dựng, vật liệu xây dựng theo quy định của hợp đồng xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Kiểm tra chất lượng, số lượng, chủng loại của sản phẩm xây dựng, vật liệu xây dựng theo yêu cầu của hợp đồng trước khi bàn giao cho Bên A;

- Thông báo cho Bên A các yêu cầu về vận chuyển, lưu giữ, bảo quản sản phẩm xây dựng, vật liệu xây dựng;

- Thực hiện sửa chữa hoặc thay thế sản phẩm xây dựng không đạt yêu cầu về chất lượng theo cam kết bảo hành sản phẩm xây dựng và quy định của hợp đồng xây dựng.

- Đối với vật tư, vật liệu sử dụng cho công trình xây dựng theo yêu cầu riêng của thiết kế:

+ Trình Bên A quy trình sản xuất, thí nghiệm, thử nghiệm theo yêu cầu của thiết kế và quy trình kiểm soát chất lượng trong quá trình sản xuất, chế tạo đối với vật tư, vật liệu;

+ Tổ chức chế tạo, sản xuất và thí nghiệm, thử nghiệm theo quy trình đã được Bên A chấp thuận, đáp ứng yêu cầu thiết kế; tự kiểm soát chất lượng và phối hợp với Bên A trong việc kiểm soát chất lượng trong quá trình chế tạo, sản xuất, vận chuyển và lưu giữ tại công trình;

+ Tổ chức kiểm tra và nghiệm thu trước khi bàn giao cho Bên A;

+ Vận chuyển, bàn giao cho Bên A theo quy định của hợp đồng;

+ Cung cấp cho Bên A các chứng chỉ, chứng nhận, thông tin, tài liệu có liên quan theo quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

- Nhà thầu chịu trách nhiệm về chất lượng vật tư, vật liệu do mình cung ứng, sản xuất, chế tạo so với yêu cầu của bên giao thầu và tính chính xác, trung thực của các tài liệu cung cấp cho bên giao thầu; việc nghiệm thu của bên giao thầu không làm giảm trách nhiệm nêu trên của các nhà thầu này.

- Hồ sơ quản lý chất lượng vật tư, vật liệu sử dụng cho công trình, bao gồm:

+ Chứng chỉ chất lượng của nhà sản xuất theo yêu cầu của hợp đồng và quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa;

+ Chứng chỉ xuất xứ phải phù hợp với quy định của hợp đồng giữa nhà thầu cung ứng, bên mua hàng và phù hợp với danh mục vật tư, vật liệu đã được chủ đầu tư chấp thuận, phê duyệt đối với trường hợp nhập khẩu theo quy định của pháp luật về xuất xứ hàng hóa;

+ Giấy chứng nhận hợp quy theo quy định của các quy chuẩn kỹ thuật và pháp luật có liên quan đối với vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị thuộc đối tượng phải thực hiện chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa;

+ Các thông tin, tài liệu có liên quan tới vật tư, vật liệu sử dụng cho công trình theo quy định của hợp đồng xây dựng;

+ Các kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, kiểm định vật tư, vật liệu sử dụng cho công trình theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng và yêu cầu của thiết kế được thực hiện trong quá trình thi công xây dựng công trình;

+ Các biên bản nghiệm thu vật tư, vật liệu sử dụng cho công trình theo quy định;

+ Các tài liệu khác có liên quan theo quy định của hợp đồng xây dựng.

- Tất cả vật tư, thiết bị phải mới 100% và chưa qua sử dụng.

* Trong quá trình thi công, Nhà thầu không được tự ý thay đổi chủng loại vật tư, vật liệu, hàng hoá đã đề xuất trong E-HSĐT. Trường hợp các loại vật tư, vật liệu, hàng hoá nêu trong E-HSĐT không còn được sản xuất hoặc không còn lưu hành trên thị trường, Nhà thầu được phép đề xuất thay thế nhưng phải có văn bản báo cáo và chỉ được sử dụng khi được Chủ đầu tư xem xét, chấp thuận bằng văn bản. Trường hợp Nhà thầu tự ý sử dụng sản phẩm khác so với sản phẩm đã đề xuất trong E-HSĐT mà không được Chủ đầu tư chấp thuận, Nhà thầu sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định của hợp đồng, pháp luật về đấu thầu và các quy định pháp luật có liên quan.

3.3. Bảng danh mục vật tư, vật liệu, thiết bị chính bao gồm:

STT	E- Hồ sơ mời thầu quy định (nội dung đánh giá được quy định tại Chương III- Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật)	Nhà thầu đề xuất ghi rõ trong E-HSĐT và kèm theo tài liệu chứng minh về xuất xứ theo yêu cầu sau:
1	Xi măng PC40, PCB40	- Tiêu chuẩn áp dụng: _____ - Ký hiệu, mã hiệu: _____ - Tên sản phẩm/nhãn hiệu: _____ - Xuất xứ _____
2	Thép tròn trơn	
3	Thép thanh vằn	
4	Thép hình	
5	Thép tấm	
6	Thép ống	
7	Đá 1x2, 2x4	

8	Cáp phơi đá dăm	- Đặc tính kỹ thuật /thông số kỹ thuật chủ yếu: _____ - Nhà thầu cung cấp (theo hợp đồng cung cấp vật tư, vật liệu/cam kết): _____
9	Cát xây dựng	
10	Bê tông tươi đá 1x2	
11	Ống thép luôn cáp	
12	Cáp cường độ cao	
13	Bê tông nhựa	
14	Nhựa đường	

- Đối với các vật tư không có trong danh mục này, Nhà thầu phải cam kết cung ứng đáp ứng theo yêu cầu Hồ sơ thiết kế và đảm bảo sản phẩm phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng theo quy định.

Ghi chú:

- Nếu trong bản vẽ thiết kế, thuyết minh hoặc E-HSMT có nêu rõ chủng loại, model, hãng, nước sản xuất thì chỉ mang tính tham khảo. Nhà thầu có thể thay thế bằng loại khác nhưng phải đảm bảo chất lượng, kỹ thuật và tính năng tương đương hoặc cao hơn.

- Trường hợp Nhà thầu không ghi rõ tên sản phẩm/nhãn hiệu, nguồn gốc xuất xứ; hoặc chào vật tư, vật liệu, thiết bị kèm theo các cụm từ mang tính không xác định như “hoặc tương đương”, “hoặc tương đương sau khi được Chủ đầu tư chấp thuận”, “hoặc sản phẩm khác”, “một số thương hiệu như...”, “dự kiến sử dụng...”, hoặc các cách diễn đạt tương tự, thì được xác định là chào thầu không rõ ràng, không cụ thể. Do đó, E-HSMT của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT và bị đánh giá không đạt về kỹ thuật theo quy định tại Mục 6, Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT về kỹ thuật.

- Với các vật tư, vật liệu, thiết bị không nêu trong bảng trên nhưng có trong thiết kế, Nhà thầu có đề xuất cụ thể (chủng loại, model, hãng, xuất xứ...). Chủ đầu tư sẽ xem xét và thương thảo khi ký hợp đồng (nếu cần).

- Nếu tiêu chuẩn nêu trong hồ sơ đã hết hiệu lực, Nhà thầu được phép áp dụng tiêu chuẩn mới nhưng phải đảm bảo phù hợp yêu cầu chất lượng của Chủ đầu tư.

3.4. Yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt: Nhà thầu phải đề xuất trình tự thi công, cung cấp và lắp đặt từ công tác chuẩn bị, đến khi hoàn thành phù hợp với từng hạng mục công trình đảm bảo theo quy định của pháp luật xây dựng.

* Yêu cầu các nội dung khác: Theo nội dung Mục 3-Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được quy định trong E-HSMT, hồ sơ thiết kế đính kèm. Nhà thầu căn cứ vào nội dung yêu cầu để trình bày cho phù hợp với yêu cầu của gói thầu đang xét đồng thời đảm bảo chất lượng, tiến độ công trình đúng quy định pháp luật hiện hành.

VI. Các bản vẽ:

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: *(đính kèm trên hệ thống đấu thầu quốc gia)*